TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 05 tháng 01 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Len

2. Ông Lê Mạnh Cường

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Đại Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2020 đối với:

1. Bị cáo:

1.1. Phạm Thị T, sinh năm 1990 tại huyện T, tỉnh Hải Dương; Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn S và bà Bùi Thị Minh T; có chồng là Lê Văn G và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/7/2020 đến ngày 13/7/2020 chuyển tạm giam; ngày 04/8/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

1.2. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú:

Thôn H, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn M và bà Tạ Thị R; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Từ tháng 9/2011 đến tháng 01/2013 tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam; bản án số 40/2015/HSST ngày 13/8/2015, Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ". Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/7/2020 đến ngày 13/7/2020 chuyển tạm giam. Có mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị T: Ông Phạm Văn Hoàng – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Thái Bình - Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình (Luật sư do Tòa án chỉ định). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Ngô Văn T1, sinh năm 1996 (đã chết). Người đại diện theo pháp luật của anh T1: Ông Ngô Văn H1, sinh năm 1966 (bố đẻ anh T1); nơi cư trú: Đội 7, thôn Đ, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

3.2. Anh Bùi Duy P, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

3.3. Chị Hà Thị P1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

3.4. Ông Vũ Văn H, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị T và chị Hà Thị P1 là nhân viên quán Karaoke Hiến Hà do ông Vũ Văn H, sinh năm 1966, ở thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình làm chủ, có quen biết anh Ngô Văn T1. Do anh T1 hẹn trước nên khoảng 18 giờ ngày 02/7/2020, T và P1 cùng với anh T1 và anh Bùi Duy P (là người lái taxi chở T1) ngồi ăn uống tại quán bia Tuyến Vình, đối diện quán Karaoke Hiến Hà. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, bốn người sang quán Karaoke Y thuê Phòng Vip2, tầng 2 để hát Karaoke. Đến khoảng 21 giờ, anh T1 gọi thêm 4 người bạn ở huyện Tiền Hải và

một nhân viên của quán là Lò Thị L sang hát cùng. Một lúc sau 4 người bạn của anh T1 và chị Lò Thị L ra về. Sau đó, anh T1 nói với bị cáo T mua hộ 05 viên kẹo (tức ma túy tổng hợp), bị cáo T đồng ý và nhắn tin, gọi điện qua Messenger cho bị cáo Nguyễn Văn Đ đang ngồi uống bia ở quán M hỏi mua 05 viên ma túy tổng hợp. Bị cáo Đ đồng ý bán với giá 450.000 đồng/viên, 300.000 đồng tiền ship và hẹn bị cáo T mang tiền ra Cầu Sắt gần Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lộc. Sau khi thống nhất xong, anh T1 đưa bị cáo T 2.550.000 đồng, bị cáo T mang ra chỗ hẹn đưa cho bị cáo Đ. Nhận được tiền, bị cáo Đ đi xe môtô ra chân cầu Trà Lý, huyện Thái Thụy mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ 05 viên ma túy tổng hợp, đựng trong phong bì giấy (bên trong có một túi nilon chứa 02 viên, một túi nilon chứa 03 viên) hết 2.000.000 đồng rồi mang về Cầu Sắt đưa cho bị cáo T. Bị cáo T cầm số ma túy này mang vào phòng hát đưa cho anh T1 một túi nilon đựng 03 viên ma túy màu hồng nhạt, còn một túi nilon đựng 02 viên ma túy, bị cáo T lấy ra 01 viên đưa cho anh Bùi Duy P, anh P cầm bẻ lấy 1/2 viên bỏ vào miệng uống cùng nước Cocacola, còn lại 1/2 viên anh P bỏ vào túi quần, sau đó vứt đi. Bị cáo T cầm 01 viên giả vờ bỏ vào miệng nhưng sau đó vứt qua cửa sổ. Anh T1 lấy 01 viên bẻ lấy 1/2 viên cho vào miệng uống cùng nước Cocacola, còn 1/2 viên đưa cho Hà Thị P1, nhưng chị P1 không uống thì anh T1 nói với bị cáo T *"chị ra bảo Phương chơi đi"*. Bị cáo T thấy trên bàn có nửa cốc nước Cocacola dưới đáy cốc có viên ma túy nên cầm mời chị P1 uống, chị P1 cầm uống một nửa rồi để xuống mặt bàn. Số ma túy còn lại anh T1 sử dụng hết. Đến khoảng 02 giờ 20 phút ngày 03/7/2020, do anh T1 có biểu hiện không tỉnh táo, nhảy loạn xạ, ôm hôn chị P1 nên ông H chủ quán và anh Đoàn Văn T ở xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình đưa anh T1 ra xe để anh Bùi Duy P chở về nhà ông Lương Xuân H2, sinh năm 1959 ở thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình (nơi T1 thuê trọ). Đến khoảng 05 giờ ngày 03/7/2020, ông H2 phát hiện anh T1 chết tại phòng trọ.

Bản kết luận giám định số 260 ngày 07/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: *"Trong các mẫu nước tiểu thu của Bùi Duy P và Hà Thị P1 có tìm thấy sản phẩm chuyển hóa của ma túy loại Methamphetamine và MDMA; Trong các mẫu nước tiểu thu của Lò Thị L, Phạm Thị T, Nguyễn Văn Đ không tìm thấy sản phẩm chuyển hóa của ma túy"*.

Bản kết luận giám định số 4358/C09-TT1-P4 ngày 03/8/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: *"Trong mẫu máu ghi thu của tử thi Ngô Văn T1 gửi giám định không tìm thấy Ethanol (cồn); trong mẫu máu và nước tiểu gửi giám định có tìm thấy MDMA; trong mẫu phủ tạng, chất chứa trong dạ dày gửi giám định không tìm thấy chất độc thường gặp"*.

Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 187/PY-PC09 ngày 14/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: *"Ngô Văn T1, sinh năm 1996; trú tại: Đội 7, thôn Đ, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên chết do sốc ma túy loại MDMA"*.

Phiếu trả lời kết quả ngày 04/7/2020 của Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình kết luận: Bùi Duy P, Hà Thị P1, Lò Thị L, Phạm Thị T, Nguyễn Văn Đ hiện tại chưa xác định nghiện ma túy.

Cáo trạng số 65/CT-VKSTB ngày 24/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm a khoản 3 Điều 255 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố.

Anh Bùi Duy P khai: Trong khi hát karaoke tại quán Y, bị cáo T đưa cho anh P một viên ma túy tổng hợp, anh đã sử dụng ½ viên, còn ½ viên bỏ vào túi quần, sau đó vứt đi. Anh P cũng nhìn thấy anh T1 sử dụng ma túy mà bị cáo T đưa cho anh T1, sử dụng nhiều lần. Sau khi sử dụng ma túy, anh P thấy anh T1 có biểu hiện nhảy loạn xạ, la hét và ôm hôn chị P1 và ôm bị cáo T, xé quần áo bị cáo T. Anh P thấy vậy đã gọi chủ quán lên để đưa anh T1 xuống tầng 1 của quán Karaoke nghỉ ngơi. Khi anh T1 tỉnh táo, anh P chở anh T1 về, trên đường đi anh T1 còn ngồi dậy bảo anh P chở đi thuê nhà nghỉ để nghỉ sáng sớm mai còn đi làm nhưng không thuê được phòng nghỉ nên anh P chở anh T1 về nhà trọ ở Tiền Hải, sau đó anh về nhà ngủ. Khoảng 7 giờ ngày 03/7/2020, bị cáo T báo cho anh biết về việc anh T1 chết tại nhà trọ. Cơ quan điều tra đã thu giữ của anh 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V9 màu đen, nên anh đề nghị trả lại cho anh chiếc điện thoại này để sử dụng.

Ông Ngô Văn H1 khai: Ông không có ý kiến gì về vụ án và không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường trách nhiệm dân sự về cái chết của con trai ông là anh Ngô Văn T1. Ông H1 chỉ đề nghị Hội đồng xét xử trả lại các tài sản của anh T1 cho gia đình ông và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Văn Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 255; điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị T từ 15 - 16 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2020 đến ngày 04/8/2020. Áp dụng khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự, phạt tiền bị cáo dưới mức thấp nhất của mức phạt mà điều luật quy định.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 04/7/2020. Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, phạt tiền bị cáo Đ từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy 01 thùng cartong kích thước 50x26x24cm bên trong chứa 43 vỏ lon, vỏ chai nước ngọt, nước khoáng các loại; trả lại ông Vũ Văn H 01 đầu ghi hình camera nhãn hiệu Dahua, màu đen được niêm phong trong thùng cartong kích thước 35x27x10,5cm; trả lại 01 đôi giày màu đen có chữ Savato Fashion, 01 đồng hồ kim loại màu vàng trên mặt đồng hồ có dòng chữ STUHRLING ORIGNAL, thiếu 01 chốt cài phía dưới, 01 điện thoại Nokia 8800e-1 đã cũ và 01 điện thoại iPhone X màu trắng bị nứt vỡ màn hình, đã cũ cho ông Ngô Văn Hiếu (bố đẻ anh Ngô Văn T1); trả lại 01 điện thoại iPhone màu trắng đã cũ cho chị Hà Thị P1; trả lại 01 điện thoại Vivo V9 màu đen đã cũ cho anh Bùi Duy P; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại Samsung Galaxy A10 màu xanh đã cũ của bị cáo T; 01 điện thoại iPhone vỏ màu vàng của bị cáo Đ và số tiền 300.000 đồng quản lý của bị cáo Đ. Buộc bị cáo Đ nộp lại số tiền 2.250.000 đồng (là tiền bị cáo Đ bán ma túy cho bị cáo T) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Luật sư Phạm Văn Hoàng trình bày lời bào chữa cho bị cáo T: Luật sư không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về việc: bị cáo T có hai tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là khai báo thành khẩn, bị cáo đang có thai và một tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn H1 xin giảm hình phạt cho bị cáo để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo không có công việc, không có thu nhập ổn định, phải nuôi hai con nhỏ và bị cáo đang mang thai nên xin được miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo T đồng ý với lời bào chữa của luật sư, không bổ sung gì.

Bị cáo Đ không tranh luận gì.

Anh Bùi Duy P và ông Ngô Văn H1 không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều thấy rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Theo yêu cầu của Ngô Văn T1, khoảng hơn 22 giờ ngày 02/7/2020, Phạm Thị T đã có hành vi mua trái phép 05 viên ma túy tổng hợp của Nguyễn Văn Đ tại cầu Sắt thuộc xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình với giá 2.550.000 đồng để tổ chức sử dụng trái phép tại phòng hát Vip2 quán Karaoke Y. Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã nhận tiền của bị cáo Phạm Thị T và dùng tiền đó để mua của một người không quen biết ở chân cầu Trà Lý 05 viên ma túy với

giá 2.000.000 đồng để bán lại cho bị cáo T với giá 2.550.000 đồng. Sau khi mua ma túy, bị cáo T đã đưa cho Ngô Văn T1 03 viên ma túy, Ngô Văn T1 sử dụng 2,5 viên, 1/2 viên Thao bỏ vào cốc Cocacola rồi bảo bị cáo T đưa cho chị Hà Thị P1 sử dụng, chị P1 đã uống nửa cốc nước đó. Còn lại, bị cáo T cầm 02 viên ma túy, đưa cho Bùi Duy P 01 viên để sử dụng còn 01 viên bị cáo T vứt qua cửa sổ. Hậu quả làm anh Ngô Văn T1 bị chết do sốc ma túy. Tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, các bản kết luận giám định, kết luận giám định pháp y tử thi và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Thị T và Nguyễn Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, đi ngược lại với cuộc đấu tranh bài trừ tệ nạn ma túy của Nhà nước. Bản thân các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý phạm tội. Điều 251 Bộ luật hình sự - Tội Mua bán trái phép chất ma tuý quy định:*"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm…5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng…"*. Điều 255 Bộ luật hình sự - Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý quy định: "*1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm…3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm: a) Gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc gây chết người…5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng…"*. Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm a khoản 3 Điều 255 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo T đang mang

thai, không có công việc ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo dưới mức thấp nhất của mức phạt mà điều luật quy định. Bị cáo Đ mua bán ma túy để kiếm lời nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T đang mang thai nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Đ có thời gian tham gia quân đội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo T là rất nghiêm trọng, do vậy không chấp nhận đề nghị của luật sư về việc áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo T mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 đầu ghi hình camera nhãn hiệu Dahua, màu đen được niêm phong trong thùng cartong kích thước 35x27x10,5cm là tài sản của ông Vũ Văn H không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho ông H. 43 vỏ lon, vỏ chai nước khoáng và nước ngọt các loại được niêm phong trong thùng cartong kích thước 50x26x24cm, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 đôi giày màu đen; 01 đồng hồ kim loại màu vàng; 01 điện thoại Nokia 8800e-1 đã cũ; 01 điện thoại iPhone X màu trắng là tài sản của anh Ngô Văn T1, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho người đại diện theo pháp luật của anh T1 là ông Ngô Văn H1. Đối với 01 chiếc điện thoại iPhone màu trắng thu của chị Hà Thị P1 và 01 điện thoại Vivo V9 màu đen thu của anh Bùi Duy P, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho chị Hà Thị P1 và anh Bùi Duy P. Đối với 01 điện thoại Samsung Galaxy A10 màu xanh thu giữ của bị cáo T và 01 điện thoại iPhone, vỏ màu vàng thu giữ của bị cáo Đ là phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán ma túy, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Bị cáo Đ thu lời bất chính được số tiền 550.000 đồng từ việc bán ma túy cho Trang, cơ quan

điều tra đã thu giữ được 300.000 đồng trên người bị cáo nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước và buộc bị cáo nộp lại số tiền 250.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình về việc buộc bị cáo Đ phải nộp lại cả số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo Đ đã dùng để mua ma túy, bởi số tiền này bị cáo đã dùng vào để mua ma túy đưa cho T và số ma túy đã sử dụng hết, bị cáo Đ chỉ được hưởng lợi số tiền 550.000 đồng nên chỉ tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền này.

[7] Trong vụ án này, anh Ngô Văn T1 có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng đã chết nên không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh T1. Ông Vũ Văn H, chị Phạm Thị Thu H3, anh Bùi Duy P không biết anh T1 bị sốc ma túy mà nghĩ anh T1 say rượu và cho anh T1 về nhà trọ nên Cơ quan điều tra không xử lý anh H, chị H3, anh P là phù hợp. Ông Vũ Văn H là chủ quán Karaoke Y không biết việc anh T1, bị cáo T tổ chức sử dụng ma túy tại quán karaoke của mình nhưng đã kinh doanh quá giờ quy định nên Cơ quan điều tra xử lý hành chính bằng hình thức phạt tiền 15.000.000 đồng là đúng pháp luật. Đối với chị P1 và anh P có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra xử lý hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng là phù hợp. Đối với người nam giới bán ma túy cho bị cáo Đ, bị cáo Đ khai không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ của người này nên không có cơ sở để điều tra, xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị T phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*; bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy"*.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 255; điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi

thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2020 đến ngày 04/8/2020. Phạt tiền bị cáo 30.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 04/7/2020. Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 43 vỏ lon, vỏ chai nước khoáng và nước ngọt các loại được niêm phong trong thùng cartong kích thước 50x26x24cm.

- Trả lại ông Vũ Văn H, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình 01 đầu ghi hình camera nhãn hiệu Dahua, màu đen được niêm phong trong thùng cartong kích thước 35x27x10,5cm.

- Trả lại ông Ngô Văn H1, sinh năm 1966; nơi cư trú: Đội 7, thôn Đ, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên 01 đôi giày màu đen có chữ Savato Fashion; 01 đồng hồ kim loại màu vàng trên mặt đồng hồ có dòng chữ STUHRLING ORIGNAL thiếu 01 chốt cài phía dưới; 01 điện thoại Nokia 8800e -1 đã cũ và 01 điện thoại iPhone X màu trắng bị nứt vỡ màn hình.

- Trả lại chị Hà Thị P1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định 01 điện thoại iPhone màu trắng.

- Trả lại anh Bùi Duy P, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình 01 điện thoại Vivo V9 màu đen.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại Samsung Galaxy A10 màu xanh của bị cáo Phạm Thị T; 01 điện thoại iPhone vỏ màu vàng và số tiền 300.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn Đ. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ nộp lại số tiền 250.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Các vật chứng này có đặc điểm mô tả chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng và đã được chuyển đến Cục thi hành án tỉnh Thái Bình theo Quyết định chuyển vật chứng số 55 ngày 24/11/2020.

4. Án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Các bị cáo Phạm Thị T, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Thị T, Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 05/01/2021. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn H1, anh Bùi Duy P có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 05/01/2021. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Vũ Văn H, chị Hà Thị P1 có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- UBND xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương;
- UBND xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà